

Bản án số: 196/2023/HS-PT

Ngày: 19/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Chí Công**

ông **Phạm Việt Cường**

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Nguyễn Thế Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2023/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo **Nguyễn Văn C** do có kháng cáo của bị hại và bị đơn dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Bị cáo bị kháng cáo:**

Nguyễn Văn C, sinh năm: 1978 tại Bình Định; nơi ĐKKHKT: tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1932 và bà: Nguyễn Thị C (chết); vợ: Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1982; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 29.11.2017, thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh ngày 10.02.2018; bắt tạm giam lại ngày 07.12.2018, thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh ngày 26.4.2019; bị bắt tạm giam lại ngày: 15.8.2019; có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:**

1. Bà Chu Thị V – Luật sư hoạt động tại công ty luật V- Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo. Địa chỉ: TP. Hà Nội. (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Thanh T- Luật sư hoạt động tại thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội bào chữa theo yêu cầu của bị cáo. Địa chỉ: Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị hại:

1. Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ H (trước là Doanh nghiệp tư nhân H).

Địa chỉ: tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Giáp Thị H, SN: 1978 – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1970, địa chỉ: tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 24/11/2022). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Duy N – Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: Tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

2. Doanh nghiệp tư nhân P.

Địa chỉ: tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Viết C, SN: 1963 - Chủ doanh nghiệp. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị H, sinh năm: 1967, địa chỉ: tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 26/5/2022 tại Gia Lai). (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:

1. Ông Trần Văn H – Luật sư Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: TP. Hà Nội. (Có mặt).

2. Ông Ngô Cao T – Luật sư Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: TP. Hà Nội. (Vắng mặt).

3. Ông Lê Văn H – Luật sư hoạt động tại Công ty Luật TNHH P thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: TP. Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn dân sự: Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H – Cục trưởng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng V- Phó Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Có mặt.

Ông Lê Tiến D – Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Bà Nguyễn Lê Kim A - Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định. Có mặt.

Ông Lưu Sơn K – Chấp hành viên sơ cấp Phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Có mặt.

Bà Ngô Thúy H – Phó trưởng phòng Phòng kiểm tra và giải quyết khiếu nại tố cáo Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/12/2022).

Bà Nguyễn Thị Hoàng G - Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ 2, Tổng cục Thi hành án dân sự. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn dân sự:

Ông Bùi N H – Luật sư hoạt động tại Công ty luật TNHH P thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: TP. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị H; Địa chỉ: TP. Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Trung K, sinh năm 1976. Địa chỉ: tỉnh Hà Giang. Có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2023).

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C trong quá trình tổ chức thi hành án gây thiệt hại đối với Doanh nghiệp tư nhân H (nay là công ty TNHH MTV H).

Theo Bản án số 08/2014/DSPT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thì ông Lê Viết C, chủ Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) P có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T do bà Trần Thị H làm Giám đốc số tiền là 19.245.128.266 đồng. Sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH T, ngày 09/10/2014, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ký Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 01/QĐ-CTHA, phân công Nguyễn Văn C, Chấp hành viên sơ cấp tổ chức thi hành.

Doanh nghiệp tư nhân H do bà Giáp Thị H là chủ doanh nghiệp là đối tác kinh doanh của DNTN P. Ngày 06/01/2014, DNTN H ký kết Hợp đồng thuê kho số 05/2014/HĐKT với DNTN P để dự trữ lô hàng mỳ (sắn) lát tại tỉnh Bình Định (thời hạn từ ngày 06/01/2014 đến ngày 30/10/2014). Ngày 25/01/2014, DNTN H vận chuyển số hàng 1.603.160 kg sắn (mỳ) lát đến Kho 2, Kho 380, Binh Đoàn 15 để lưu trữ đồng thời lập Biên bản gửi hàng số 06/HĐGH với DNTN P.

Ngày 17/10/2014, Nguyễn Văn C làm việc với ông Lê Viết C (chủ DNTN P) để xác minh điều kiện thi hành án của DNTN P theo đơn đề nghị của Công ty TNHH T, ông C trình bày có lô hàng khoảng 2.000 tấn sắn (mỳ) lát tại Kho 2, Kho 380, không thể chấp cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào và lô hàng này DNTN P đã bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn V theo Hợp đồng kinh tế số 1909/HĐKT2014 ngày 19/9/2014, với số lượng 2.000 tấn (+/- 5%). Tuy nhiên, Nguyễn Văn C không yêu cầu ông C cung cấp sổ sách, chứng từ kế toán của doanh nghiệp cũng như tài liệu chứng minh về nguồn gốc số sắn lát này.

Ngày 27/10/2014, Nguyễn Văn C xác minh tại Công ty TNHH V, ông Nguyễn Vinh H, giám đốc Công ty trình bày nội dung: Công ty có ký kết Hợp đồng kinh tế số 1909/HĐKT/2014 ngày 19/9/2014 với DNTN P để mua lô hàng 2.000 tấn sản lát (+5%), DNTN P đã chuyển cho V 2009,86 tấn. Sau đó V tiếp tục yêu cầu P xuất cho V số lượng còn lại của hợp đồng là +5% của 2000 tấn, nhưng V lại phát hiện P đang có tranh chấp về lô sản lát nên không muốn tiếp tục mua số hàng còn lại nữa. Ngày 23/10/2014, V đã gửi thông báo cho P không tiếp tục thực hiện hợp đồng nữa. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc C đã không thể hiện đầy đủ nội dung do ông H cung cấp vào biên bản làm việc gây hiểu lầm về bản chất vụ việc.

Ngày 20/10/2014, bà Giáp Thị H biết thông tin lô hàng 1.603,160 tấn sản (mỳ) lát của mình gửi trong Kho 2, Kho 380 của DNTN P đang bị Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định xác minh để cưỡng chế, kê biên nên ngày 21/10/2014, doanh nghiệp tư nhân H gửi thông báo cho doanh nghiệp tư nhân P đề nghị cho nhận lô hàng 1.603,160 tấn sản (mỳ) lát này để giao cho khách hàng. Ngày 24/10/2014, bà Giáp Thị H có đơn gửi Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (Cục thi hành án ký nhận ngày 27/10/2014) khiếu nại với nội dung “Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định phong tỏa, kê biên tài sản trái pháp luật”, kèm theo là tài liệu chứng minh sở hữu lô hàng gồm: Hồ sơ hải quan nhập khẩu 1.600 tấn sản lát: Phiếu chi, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (68 tờ), phiếu cân xe (tập 1: 82 tờ, tập 2: 42 tờ), phiếu nhập kho (10 tờ); hợp đồng thuê kho, hợp đồng vận chuyển, biên bản gửi hàng ... để chứng minh rằng khối tài sản này là thuộc quyền sở hữu của DNTN H, chứ không phải của DNTN P.

Ngày 04/11/2014, ông Ngô Dũng, Phó Cục trưởng Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ký ban hành văn bản số 1161/CTHADS-GQKN trả lời đơn khiếu nại của bà Giáp Thị H, cho rằng khiếu nại của DNTN H là không có căn cứ vì Chấp hành viên chưa ban hành quyết định cưỡng chế kê biên đối với số sản lát nói trên.

Ngày 05/11/2014, DNTN H đang xuất hàng sản lát tại Kho 2, Kho 380 và đã xuất được 60,97 tấn trên 03 xe ô tô xuống Cảng Q, đổ xuống tàu GAO XIN 16 để giao cho DNTN P xuất bán qua Trung Quốc. Do đó, Công ty TNHH T có thông báo kèm theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm. Sau khi nhận được đơn và tin báo của Công ty TNHH T, Nguyễn Văn C đã gọi điện thoại mời đại diện chính quyền địa phương và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia tạm giữ và niêm phong đối với số sản lát còn lại trong kho của DNTN P (số sản lát còn lại trong kho là 1.538,99 tấn). Khi niêm phong, Nguyễn Văn C không lập biên bản về việc niêm phong mà chỉ lập biên bản tạm giữ tài sản trong đó có bao gồm nội dung niêm phong đối với số tài sản bị tạm giữ, không kiểm tra về khối lượng và chất lượng lô hàng tạm giữ. Sau đó, Nguyễn Văn C

giao cho tổ bảo vệ của Binh Đoàn 15 tiếp tục trông coi số tài sản bị tạm giữ. Việc bàn giao chỉ qua trao đổi miệng, không được lập thành biên bản.

Ngày 06/11/2014, DNTN H có văn bản số 02/CV-HP gửi DNTN P yêu cầu xác nhận lô hàng trên là của DNTN H. Ngày 07/11/2014, DNTN P có văn bản số 10/CV-PL xác nhận quyền sở hữu của DNTN H đối với lô hàng trên. Cùng ngày 07/11/2014, DNTN H gửi đơn đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định tố cáo hành vi của Nguyễn Văn C. Ngày 08/11/2014, ông Lê Viết C có đơn trình bày gửi Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định với nội dung xác nhận lô hàng 1.603,160 tấn sản lát trong Kho 2, Kho 380 là của DNTN H, chứ không phải là hàng của DNTN P. Ông C trình bày, do nhầm lẫn vì chưa kiểm tra số liệu báo cáo của kế toán kho nên lời trình bày của ông Lê Viết C với Chấp hành viên số sản lát trong kho của DNTN P là không chính xác (về nội dung lô hàng 2.000 tấn đã bán cho Công ty TNHH V). Ngày 11/11/2014, ông Nguyễn Duy N (Luật sư ủy quyền của DNTN H) trực tiếp làm việc với Nguyễn Văn C, ông N tiếp tục khẳng định lô hàng sản lát là của DNTN H và đã được DNTN P xác nhận với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Tuy nhiên, do chủ quan và cho rằng DNTN H và DNTN P cấu kết với nhau để tẩu tán tài sản nên Nguyễn Văn C không xem xét và xác minh về tài liệu do DNTN H cung cấp mà thông báo vẫn sẽ tiến hành cưỡng chế, kê biên đối với số hàng này đồng thời hướng dẫn DNTN H khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để xác định quyền sở hữu đối với lô sản lát trên.

Ngày 11 và 12/11/2014, Công ty TNHH T có các văn bản số 127/CV-CTTP, 135/CV-CTTP gửi Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế, kê biên đối với lô hàng sản lát tại Kho 2, Kho 380 để tránh tẩu tán, hủy hoại tài sản. Mặc dù thời hạn xác minh về quyền sở hữu đối với lô sản lát bị tạm giữ vẫn còn nhưng C không thực hiện việc xác minh các tài liệu chứng minh quyền sở hữu do DNTN H và DNTN P cung cấp, không xác minh tài sản của DNTN P theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành 1 số điều của Luật thi hành án dân sự và điểm 4 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ làm căn cứ xác định quyền sở hữu đối với lô sản lát đã tạm giữ, vi phạm khoản 3 của Điều 68 Luật thi hành án dân sự. Ngày 13/11/2014, Nguyễn Văn C đã ban hành Quyết định cưỡng chế, kê biên tài sản số 01/QĐ-CTHADS, với nội dung: “Kê biên, xử lý tài sản của ông Lê Viết C - Chủ DNTN P, tài sản kê biên là toàn bộ lô sản (mỳ) lát khô có tại Kho số II của Khách sạn Bình Dương - Chi nhánh Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty 15”, ấn định thời gian tổ chức cưỡng chế, kê biên tài sản vào ngày 24, 25/11/2014 theo Kế hoạch cưỡng chế số 1193/KH-CTHADS ngày 13/11/2014.

Ngày 18/11/2014, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có Thông báo thụ lý vụ án số 221/2014/TB-TLVA về việc “Yêu cầu công nhận quyền sở hữu về

tài sản” của DNTN H. Căn cứ vào thông báo này, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ra Quyết định hoãn thi hành án số 08/QĐ-CTHA để chờ bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án. Đồng thời ngày 21/11/2014, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định có công văn 1234/CTHADS-NV thông báo không thụ lý đơn tố cáo của DNTN H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố P tiến hành phiên hòa giải nhưng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định không tham gia mặc dù đã được thông báo theo quy định. Việc hòa giải không thành và Tòa án nhân dân thành phố P mở phiên tòa dân sự xét xử sơ thẩm. Ngày 08/6/2015, Tòa án nhân dân thành phố P đã ra Bản án sơ thẩm số 27/2015/DS-ST, tuyên: “Công nhận quyền sở hữu đối với lô sản (mỳ) lát 1.538,99 tấn tại Kho 2, Kho 380, Khu vực 6 Trần Quang Diệu là của DNTN H”. Bản án này bị người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH T kháng cáo theo trình tự phúc thẩm, nhưng sau đó Công ty TNHH T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 22/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định số 18/2015/QĐ-PT, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với vụ án trên. Ngày 06/7/2016, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ban hành văn bản số 983/CTHADS-NV gửi Tòa án nhân dân tối cao đề nghị kháng nghị theo trình tự Giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 27/2015/DS-ST ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân thành phố P. Ngày 30/12/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã có văn bản số 248/GĐKT - II, bác đơn đề nghị giám đốc thẩm của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định với nhận định Bản án sơ thẩm là đúng pháp luật, ngày 16/3/2016 Nguyễn Văn C ra Quyết định số 06/QĐ-CTHA, thu hồi toàn bộ Quyết định cưỡng chế, kê biên tài sản số 01/QĐ-CTHADS ngày 13/11/2014 và ra Quyết định số 60/QĐ-CTHA về việc trả lại tài sản tạm giữ cho bà Giáp Thị H.

Nguyễn Văn C có văn bản thông báo, yêu cầu DNTN H nhận lại tài sản nhưng DNTN H không đồng ý nhận lại vì sản lát là hàng mau hỏng, sau 30 tháng bị tạm giữ đã giảm số lượng và chất lượng. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã xin ý kiến hướng dẫn nghiệp vụ của Tổng cục Thi hành án dân sự. Ngày 14/6/2016 Tổng cục Thi hành án dân sự đã ban hành văn bản số 1824/TCTHADS-NV1 đề nghị Cục THADS tỉnh Bình Định tiếp tục thuyết phục DNTN H nhận lại tài sản, nếu DNTN H không đồng ý thì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc bán tài sản. Nguyễn Văn C đã tổ chức bán đấu giá số sản lát tạm giữ của DNTN H được 3.555.000.000 đồng. Sau khi khấu trừ các chi phí thi hành án liên quan, ngày 16/01/2017 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định chuyển khoản số tiền còn lại là 2.490.668.458 đồng cho DNTN H. DNTN H có đơn yêu cầu bồi thường nhưng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định không thụ lý giải quyết.

Tại bản kết luận định giá số 54/KL-HĐ ngày 10/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định, kết luận tài sản 1.538,99 tấn sản lát khô tại thời điểm tháng 11/2014 (Thời điểm C tạm giữ số sản lát) có giá trị là 8.156.647.000 đồng.

Như vậy, quá trình tổ chức thi hành án theo Quyết định thi hành án 01/QĐ-CTHA ngày 09/10/2014 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định Nguyễn Văn C đã không tiến hành xác minh đầy đủ điều kiện thi hành án của người phải thi hành án (DNTN P) theo quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thi hành án dân sự về thủ tục thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung tại điểm 4 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.

Hành vi thiếu trách nhiệm trong việc xác minh điều kiện thi hành án và tài sản, tài khoản của DNTN P là tiền đề dẫn đến việc C lập biên bản tạm giữ, niêm phong số sản lát không phải tài sản của người có nghĩa vụ thi hành án. Sau khi tạm giữ, niêm phong tài sản, DNTN H đã gửi đơn kiến nghị và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sở hữu số tài sản đó nhưng C không xem xét và cũng không có thao tác nghiệp vụ để xác minh về quyền sở hữu đối với số sản lát đã tạm giữ để trả lại cho chủ sở hữu mà ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên số 01/QĐ-CTHADS ngày 13/11/2014 trong khi thời hạn để xác minh vẫn còn. Tuy Quyết định cưỡng chế kê biên này chưa được thực hiện vì lý do trước đó C hướng dẫn DNTN H khởi kiện ra tòa để yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản là không đúng pháp luật dẫn đến kéo dài thời hạn tạm giữ tài sản gây hậu quả thiệt hại cho DNTN H. Qua đó thể hiện C đã làm không hết, không đầy đủ trách nhiệm của Chấp hành viên, mặc nhiên công nhận số sản lát này thuộc sở hữu của DNTN P. Hành vi của C đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 68 Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Điều luật quy định: “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tạm giữ tài sản, giấy tờ, Chấp hành viên ra một trong các quyết định sau đây: Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án nếu xác định được tài sản, giấy tờ tạm giữ thuộc sở hữu của người phải thi hành án; Trả lại tài sản, giấy tờ tạm giữ cho đương sự trong trường hợp đương sự chứng minh tài sản, giấy tờ tạm giữ không thuộc quyền sở hữu của người phải thi hành án....”

Hành vi tạm giữ và niêm phong số sản lát của Nguyễn Văn C có mối quan hệ nhân quả và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại cho DNTN H. Thiệt hại của DNTN H được xác định là số sản lát bị tạm giữ trong thời gian dài dẫn đến suy giảm nghiêm trọng về số lượng, chất lượng và giá thành. Trên cơ sở kết quả định giá tài sản của HĐĐG trong TTHS thì thiệt hại của DNTN H là: 8.156.647.000 đồng – 2.490.668.458 đồng = 5.665.978.542 đồng.

2. Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C trong quá trình tổ chức thi hành án đối với DNTN P:

Ngày 17/7/2015 Cục THADS Bình Định ban hành Quyết định số 30/QĐ-CTHA để tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 01/QĐ-CTHA ngày 09/10/2014. Ngày 24/7/2015 Nguyễn Văn C ban hành Giấy triệu tập 986/GTT, triệu tập ông Lê Viết C có mặt tại trụ sở Cục Thi hành án vào ngày 29/7/2015 để giải quyết việc thi hành án. Ngày 27/7/2015 ông Lê Viết C có đơn xin vắng mặt do phải đi công tác xa hẹn 15 ngày có mặt. Ngày 28/7/2015, Công ty TNHH T có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản gửi Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Nội dung đơn yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên đối với tài sản của DNTN P trên thửa đất có diện tích 28.815 m² tại một phần lô BI-3 và BI-4 Khu Công nghiệp L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Công ty TNHH T không cung cấp bất kỳ tài liệu nào kèm theo đơn để chứng minh về tình trạng tài sản của DNTN P.

Trên cơ sở đơn của Công ty TNHH T, ngày 29/7/2015, Nguyễn Văn C xác minh tại UBND xã P về tài sản của DNTN P tại Khu Công nghiệp L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Kết quả thể hiện DNTN P có nhà máy chế biến nông sản tại địa chỉ nêu trên và vào thời điểm này Nhà máy đang hoạt động bình thường. Ngày 31/7/2015, Nguyễn Văn C đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-CTHADS cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của DNTN P trên thửa đất có diện tích 28.815 m² tại một phần lô BI-3 và BI-4 Khu Công nghiệp L, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tài sản bị cưỡng chế kê biên gồm: Nhà xưởng sản xuất (kho) diện tích 16.944 m², sân bê tông 6.400 m², hồ phòng cháy, chữa cháy, nhà làm việc, văn phòng diện tích 275 m², trạm cân 80 tấn, nhà trạm cân diện tích 31,39 m², tường rào, cổng ngõ, hệ thống thoát nước, nhà bảo vệ diện tích 21,84 m². Cùng ngày, C đã xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức cưỡng chế kê biên số 1032/KH-CTHADS trong đó bao gồm nội dung các phương án tiến hành cưỡng chế.

Thời điểm Nguyễn Văn C ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên số 34/QĐ-CTHADS C đã biết kho L đã được DNTN P thế chấp cùng với một số tài sản khác cho ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Gia Lai để vay vốn kinh doanh 80 tỷ đồng. Nhưng C không tiến hành xác minh các tài sản khác của doanh nghiệp như bất động sản, tiền gửi tài khoản ở các ngân hàng mà vẫn lựa chọn tài sản đã thế chấp để cưỡng chế kê biên.

Ngày 21/8/2015, Nguyễn Văn C tổ chức cưỡng chế, tham gia việc cưỡng chế có các thành phần theo kế hoạch bao gồm chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng. Ông Lê Viết C, chủ DNTN P vắng mặt và có thông báo cho C Bản án số 08/2014/DSPT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã bị VKSND tối cao kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm. Do ông C vắng mặt trong buổi cưỡng chế nên Hội đồng cưỡng chế đã lập biên bản vắng mặt và biên

bản mở khóa cổng. Trong quá trình cưỡng chế kê biên C không thực hiện đầy đủ những nội dung đã xây dựng trong Kế hoạch số 1032/KH-CTHADS ngày 31/7/2015, khi kê biên nhà xưởng của DNTN P đang ở trạng thái khóa cửa, nhưng không thực hiện việc mở khóa nhà kho, xưởng sản xuất để kiểm tra những tài sản bên trong. Do Nguyễn Văn C không mở khóa nên không biết bên trong có chứa 25.728.960 kg sắn lát khô và 33.384 kg hạt ươi là tài sản không thuộc diện kê biên. Kết thúc buổi cưỡng chế kê biên, C đã niêm phong hai cổng ra vào của kho L và thuê Công ty TNHH dịch vụ và bảo vệ Hoàng Nam bảo quản tài sản, không cho các bảo vệ, nhân viên của DNTN P vào. Sau đó, DNTN P đã nhiều lần yêu cầu nhưng không được bị cáo C cung cấp biên bản kê biên tài sản của buổi cưỡng chế kê biên ngày 21/8/2015.

Ngày 26/8/2015, DNTN P đưa nhân viên và 04 xe ô tô tải lên kho L để yêu cầu mở kho lấy hàng hóa, giao hàng cho đối tác nhưng không được bảo vệ cho vào. Ngày 28/8/2015, Nguyễn Văn C đề xuất lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định ra Thông báo tạm đình chỉ thi hành án số 1185/TB-CTHADS do có Kháng nghị Giám đốc thẩm số 11/2015/KN-KDTM ngày 18/8/2015 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Ngày 31/8/2015, C làm việc với ông Lê Viết C, tại buổi làm việc C có đề nghị ông C nhận lại tài sản đã kê biên để bảo quản, nhưng ông C chỉ đồng ý nhận các biên bản kê biên, còn việc có nhận lại tài sản để bảo quản hay không, ông C trao đổi với Luật sư và sẽ có ý kiến sau. Ngày 04/9/2015, Nguyễn Văn C ra Thông báo số 1217/TB-CTHADS về việc nhận bảo quản các tài sản bị kê biên và không bị kê biên, ấn định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày 07/9/2015, DNTN P phải liên hệ để nhận lại tài sản. Ngày 13/9/2015, DNTN L có đơn xin nhận lại tài sản. Ngày 16/10/2015, Cục THADS tỉnh Bình Định tổ chức giao lại tài sản bị kê biên và tài sản không thuộc diện kê biên nhưng bị niêm phong tại kho L cho DNTN P quản lý.

Quá trình điều tra xác định trong thời gian từ tháng 7 tháng 2015 đến tháng 8 năm 2015, DNTN P đang thực hiện các hợp đồng kinh doanh với Công ty TNHH Mai Sanh và bà Trần Thị Kim T. Nội dung các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng kinh tế số 10/2015/HĐMBSL ngày 24/7/2015 giữa DNTN P với Công ty TNHH XNK Mai Sanh thì giá trị là 136.363.488.000 đồng (25.728.960 kg sắn lát, giá 5.300 đồng/kg).

- Hợp đồng kinh tế số 11/2015/HĐMBHU ngày 15/8/2015 giữa DNTN P với bà Trần Thị Kim T thì giá trị là 6.676.800.000 đồng (33.384 kg hạt ươi, giá 200.000 đồng/kg).

Thời gian giao hàng theo các hợp đồng là từ ngày 24/8/2015 đến ngày 28/8/2015. Tuy nhiên, Nguyễn Văn C kê biên kho L và niêm phong cổng ra vào, DNTN P không lấy được hàng để giao cho các đối tác và đã thông báo cho hai doanh nghiệp nêu trên. Ngày 26/8/2015, Công ty TNHH Mai Sanh và bà Trần Thị

Kim T đã hủy bỏ 02 Hợp đồng kinh tế với DNTN P vì vi phạm thời gian giao hàng.

Ngày 16/10/2015, DNTN P nhận lại tài sản, nhưng theo DNTN P không tìm được đối tác mua hàng. Đến tháng 01/2016 DNTN P mới tìm được đối tác mới và ký các hợp đồng mua bán sản lát số 01/PL-JY/2016 ngày 07/01/2016 có đơn giá là 184 USD/tấn; hợp đồng mua bán sản lát số 02/PL-JY/2016 ngày 16/01/2016 có đơn giá là 178 USD/tấn; hợp đồng mua bán sản (mỳ) lát số HP20160121 ngày 21/01/2016 có đơn giá là 175 USD/tấn. DNTN P thu về số tiền 3.879.672 USD = 88.456.521.600 đồng (tỷ giá 01 USD = 22.800 VNĐ) từ việc thực hiện các hợp đồng này.

Đối với số hạt ươi, theo DNTN P, do không tìm được đối tác để bán, đến thời điểm khởi tố vụ án không còn giá trị sử dụng đã hư hỏng hoàn toàn. Theo kết luận số VFC.18.4.A.40.4801 ngày 17/11/2018 của Công ty cổ phần giám định Lửa Việt đã kết luận: “Toàn bộ lô hàng 31.456 kg hạt ươi tại kho L của DNTN P bị mốc hoàn toàn, không còn giá trị sử dụng” (BL: 1366-1372).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định kết luận: Giá trị của 25.728.960 kg sản lát và 33.384 kg hạt ươi tại thời điểm tháng 8/2015 là: 137.894.496.000 đồng. Trong đó: 25.728.960 kg sản (mỳ) lát có giá trị: 131.217.696.000 đồng; 33.384 kg hạt ươi có giá trị: 6.676.800.000 đồng.

Theo Kết luận định giá của HĐĐG trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Định thì thiệt hại về hàng hóa sản lát là 42.761.174.400 đồng (131.217.696.000 đồng - 88.456.521.600 đồng); thiệt hại về hạt ươi là 6.676.800.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 49.437.974.400 đồng (42.761.174.400 đồng + 6.676.800.000 đồng).

Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C được xác định từ việc không thực hiện xác minh sổ sách kế toán, không xác minh đầy đủ tài khoản của DNTN P và của vợ chồng Lê Viết C tại các Ngân hàng có liên quan để thực hiện theo khoản 5 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010. Từ đó dẫn đến việc C ra quyết định kê biên khu nhà xưởng của DNTN P tại Khu công nghiệp L thành phố Q. Đồng thời C đã vi phạm quy định tại Điều 93 Luật Thi hành án dân sự, không mở khóa kho của nhà xưởng kê biên nên đã niêm phong kho bên trong đang chứa số lượng lớn sản lát và hạt ươi là những tài sản không thuộc diện kê biên. Hành vi thiếu trách nhiệm nêu trên của C, theo Bản án sơ thẩm xác định là nguyên nhân dẫn đến việc DNTN P không thể xuất được số hàng hóa là sản lát và hạt ươi để thực hiện hợp đồng với Công ty Mai Sanh và bà Trần Thị Kim T.

IV. Quá trình giải quyết vụ án:

1. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 18/9/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bình định đã quyết định:

Tuyên bố Nguyễn Văn C phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

*Áp dụng khoản 2 Điều 285, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C **09 năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam 15/8/2019, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến ngày 10/02/2018 và từ ngày 07/12/2018 đến ngày 26/4/2019.*

*Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589, 597, 598 Bộ luật dân sự, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định có nghĩa vụ phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV H **5.665.978.542 đồng**; Doanh nghiệp tư nhân P **49.437.974.400 đồng**.*

Các yêu cầu bồi thường khác của Doanh nghiệp tư nhân P và Công ty TNHH MTV H có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Do Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị bị cáo Nguyễn Văn C; Cục Thi hành án dân sự Bình Định; Công ty H; DNTN P kháng cáo; Bộ tư pháp có Văn bản kiến nghị đối với Bản án sơ thẩm.

2. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 170/2021/HS-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, tuyên xử:

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2019/HS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định lý do hủy do vụ án có vi phạm tố tụng (Phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt người bào chữa cho bị cáo; vắng mặt một số người làm chứng), về nội dung: Bản án sơ thẩm chưa làm rõ, chính xác lý do, nguyên nhân gây ra thiệt hại, lỗi của người gây ra thiệt hại, xác định giá trị thiệt hại của DNTN P và Công ty H, chưa xem xét lỗi của DNTN P, Công ty T, xác định thiệt hại cũng như quy kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại chưa đúng.

3. Từ những nội dung và quá trình giải quyết vụ án nêu trên, sau khi thụ lý, trả hồ sơ điều tra bổ sung và xét xử lại vụ án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 285; điểm s khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

*- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C **07 (Bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15.8.2019, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 29.11.2017 đến ngày 10.02.2018 và từ ngày 07.12.2018 đến ngày 26.4.2019.*

[2]. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589, Điều 597, Điều 598 của Bộ luật dân sự; Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước. Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định phải có nghĩa vụ bồi thường cho:

- Công ty TNHH MTV H: **1.888.659.514 đồng.**

- Doanh nghiệp tư nhân P: **19.775.189.760 đồng;**

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 589, Điều 597, Điều 598 của Bộ luật dân sự.

Bà Trần Thị H phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H là **1.888.659.514 đồng;**

DNTN P phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H là **1.888.659.514 đồng.**

Các yêu cầu bồi thường khác của doanh nghiệp tư nhân P và Công ty TNHH MTV H có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm vụ án lần thứ 02, bị cáo Nguyễn Văn C không kháng cáo, bị đơn dân sự là Cục THADS tỉnh Bình Định kháng cáo đối với toàn bộ phần dân sự trong vụ án hình sự, các bị hại, Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) P và Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ H (gọi tắt Công ty H) kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo và kháng cáo phần dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H nguyên giám đốc Công ty TNHH T (đã tuyên bố phá sản) kháng cáo phần dân sự có liên quan trong vụ án hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Cục THADS tỉnh Bình Định; DNTN P; Công ty H (do ông Nguyễn Quang Toàn đại diện) và bà Trần Thị H (do ông Ngô Trung Kiên đại diện) giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Văn C trình bày bị cáo có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ vụ án, thủ tục thông báo, thụ lý xét xử phúc thẩm đối với vụ án thì bị cáo Nguyễn Văn C không có đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia giữ quyền công tố phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Cục THADS tỉnh Bình Định; DNTN P; Công ty H và bà Trần Thị H, hủy phần dân sự của vụ án, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, bác

kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo, giữ nguyên phần hình phạt tại Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

- Cục THADS tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Cục THADS tỉnh Bình Định, sửa Bản án sơ thẩm, tuyên xử Cục THADS tỉnh Bình Định không phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty H số tiền 1.888.659.514 đồng và DNTN P, số tiền 19.775.189.760 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty H trình bày luận cứ bảo vệ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty H, xử tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C và buộc Cục THADS tỉnh Bình Định phải bồi thường cho Công ty H số tiền: 15.385.391.350 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho DNTN P trình bày luận cứ bảo vệ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của DNTN P, xử tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C và buộc Cục THADS tỉnh Bình Định phải bồi thường số tiền: 91.746.817.270 đồng.

- Ông Ngô Trung Kiên đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm hủy bỏ việc buộc bà H phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ H số tiền: 1.888.659.514 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, xem xét kháng cáo của Cục THADS tỉnh Bình Định, DNTN P, Công ty H và người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, kháng cáo của các đương sự trong vụ án đều trong thời hạn quy định của pháp luật, việc vắng mặt một số đương sự qua kiểm tra thì đã được Tòa án đã triệu tập và đã tổng đạt hợp lệ, đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 352 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Việc bị cáo Nguyễn Văn C trình bày, bị cáo có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ vụ án, thủ tục thông báo, thụ lý xét xử phúc thẩm đối với vụ án thì bị cáo Nguyễn Văn C không có đơn kháng cáo, lời trình bày của bị cáo là không đúng.

[2]. Về nội dung:

Xem xét kháng cáo của Cục THADS tỉnh Bình Định; DNTN P; Công ty H và bà Trần Thị H liên quan đến lô sản (mỳ) lát 1.538,99 tấn tại Kho 2, Kho 380,

khu vực 6, Trần Quang Diệu của DNTN H (*Nay là Công ty TNHH MTV TM-DV H*), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với kháng cáo của Cục THADS tỉnh Bình Định: Tại đơn kháng cáo Cục THADS tỉnh Bình Định cho rằng mình không có trách nhiệm bồi thường cho DNTN H, yêu cầu sửa phần quyết định của Bản án sơ thẩm về việc buộc Cục THADS tỉnh Bình Định phải bồi thường cho Công ty H số tiền **1.888.659.514 đồng**. Xét thấy:

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2014/DSPT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định buộc ông Lê Viết C, chủ DNTN P có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T do bà Trần Thị H làm Giám đốc số tiền là 19.245.128.266 đồng. Sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH T, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định đã ký Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 01/QĐ-CTHA ngày 09/10/2014, đồng thời phân công Nguyễn Văn C, Chấp hành viên sơ cấp tổ chức, thi hành Bản án và Quyết định thi hành án nêu trên.

Trong quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên Nguyễn Văn C đã có nhiều hành vi thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về thi hành án, cụ thể: vi phạm quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành 1 số điều của Luật thi hành án dân sự; điểm 4 khoản 3 Điều 1 Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ làm căn cứ xác định quyền sở hữu tài sản; vi phạm khoản 3 của Điều 68 Luật thi hành án dân sự; không có biện pháp xác minh chính xác, đầy đủ về tài sản của DNTN P là người phải thi hành án, tiến hành kê biên, cưỡng chế nhằm lô sản lát 1.538,99 tấn, góp phần gây thiệt hại giá trị tương ứng số tiền 5.665.978.542 đồng của DNTN H. Hành vi của Nguyễn Văn C là hành vi thiếu trách nhiệm của người thi hành công vụ, góp phần gây ra hậu quả nghiêm trọng, làm thiệt hại tài sản cho DNTN H. Tại Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo C về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại khoản 2, Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng không kháng cáo, điều đó chứng tỏ bị cáo đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Văn C là Chấp hành viên của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định được phân công thực hiện nhiệm vụ thi hành án theo quy định của pháp luật, nhưng đã có hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác. Hành vi của bị cáo có mối quan hệ nhân quả, trực tiếp, góp phần thiệt hại tài sản của DNTN H. Do vậy, tại Bản án sơ thẩm đã xem xét, xác định Nguyễn Văn C có một phần lỗi, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 589; 597, 598 Bộ luật dân sự và Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, buộc Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định là cơ quan quản lý, phân công đối với Chấp hành viên phải có trách nhiệm bồi thường cho DNTN Huy phương là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Đối với kháng cáo của DNTN P: Tại đơn kháng cáo và nội dung trình bày tại phiên toà phúc thẩm, ông Lê Viết C chủ DNTN P cho rằng: Người gây thiệt hại trực tiếp cho DNTN H là Chấp hành viên Nguyễn Văn C. Do vậy, buộc Cục THADS tỉnh Bình Định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho DNTN H, Toà án cấp sơ thẩm đã xác định có một phần lỗi của ông Lê Viết C, phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra và bồi thường cho DNTN H số tiền: 1.888.659.514 đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy: Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2014/DSPT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định là bản án đã có hiệu lực pháp luật. Vào thời điểm bà H có đơn yêu cầu thi hành án chưa có kháng nghị nên việc Cục THADS tỉnh Bình Định đưa ra thi hành bản án là đúng pháp luật; nội dung, buộc ông Lê Viết C, chủ DNTN P có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) T do bà Trần Thị H làm Giám đốc số tiền là 19.245.128.266 đồng, ông Lê Viết C là người phải thi hành án. Trong lúc ông C đang là chủ một doanh nghiệp lớn, đang hoạt động kinh doanh, có đủ khả năng tài chính để tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty TNHH T, theo đơn yêu cầu thi hành án của bà H nên Cục THADS tỉnh Bình Định tiến hành thi hành Bản án nêu trên theo quy định của pháp luật, nhưng ông C không tự nguyện thi hành án. Tại Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 17/10/2014 và ngày 20/10/2014, ông Lê Viết C, Chủ DNTN P đã cung cấp thông tin cho Chấp hành viên Nguyễn Văn C lô sản lát tại Kho 2, Kho 380 khách sạn Bình Dương là của DNTN P, xác minh tại ông Nguyễn Vinh H, Giám đốc Công ty TNHH V do trước đó có mua lô sản của DNTN P cũng trùng khớp với thông tin do ông C cung cấp. Ông C là người phải thi hành án nhưng cung cấp thông tin không đúng quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ, dẫn đến Chấp hành viên tiến hành kê biên, nhầm lẫn, cưỡng chế sai đối tượng tài sản là của DNTD H, góp phần dẫn đến hậu quả thiệt hại cho DNTN H. Do vậy, tại Bản án sơ thẩm đã xác định ông Lê Viết C có một phần lỗi góp phần dẫn đến thiệt hại cho DNTN Huy phương, đã buộc ông C là chủ DNTN P phải chịu một phần hậu quả thiệt hại của DNTN H là có cơ sở.

[2.3]. Đối với kháng cáo của bà Trần Thị H, tại đơn kháng cáo bà H cho rằng: Tại Bản án sơ thẩm đã buộc bà H phải bồi thường cho DNTN H số tiền 1.888.659.514 đồng là không đúng pháp luật. Từ năm 2012 đến nay DNTN P đã chiếm giữ tiền hàng của Công ty TNHH T giá trị khoảng 40 tỷ đồng. Hàng chục năm bà phải đi đòi nợ mỗi mòn dẫn đến phá sản doanh nghiệp. Khi có Quyết định thi hành án, theo nguồn tin của bà H, 2000 tấn sản tại Kho 380, Binh đoàn 15 là của DNTN P nên đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Việc xác minh, cưỡng chế là thuộc trách nhiệm của Chấp hành viên, cưỡng chế sai không phải lỗi của bà H.

Do vậy, bà H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, không buộc bà H phải bồi thường số tiền nói trên cho DNTN H.

Xét thấy: Công ty TNHH T trước đây do bà H làm Giám đốc là người được thi hành án theo Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2014/DSPT ngày 29/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Sau khi có đơn yêu cầu và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 01/QĐ-CTHA ngày 09/10/2014 của Cục THADS tỉnh Bình Định, tại đơn yêu cầu xác minh điều kiện thi hành án ngày 01/10/2014, văn bản số 135/CV-CTTP ngày 12/11/2014 của Công ty TNHH T và trong quá trình làm việc với Chấp hành viên, bà H đều khẳng định lô sản lát tại Kho 2, Kho 380, khách sạn Bình Dương là của DNTN P. Việc cung cấp thông tin sai sự thật của bà H đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 14/10/2013). Tại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án ngày 05/11/2014, Công ty TNHH T đã yêu cầu Cục THADS tỉnh Bình Định áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án (tạm giữ tài sản) đối với lô sản lát tại Kho 2, Kho 380 khách sạn Bình Dương và cam kết bồi thường thiệt hại. Do yêu cầu kê biên cưỡng chế tài sản không đúng, đã góp phần dẫn đến hậu quả thiệt hại cho DNTN H. Tại Bản án sơ thẩm đã căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật THADS năm 2008 và khoản 4 Điều 32 Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017, xác định lỗi của bà H phải chịu một phần hậu quả thiệt hại của DNTN H, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4]. Đối với kháng cáo của Công ty H (*trước đây là DNTN H*), tại đơn kháng cáo của Công ty H, người đại diện theo pháp luật là bà Giáp Thị H cho rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm tách phần yêu cầu bồi thường khác của Công ty H ra để giải quyết bằng một vụ án khác là không đúng pháp luật; buộc ông Lê Viết C, bà Trần Thị H, cùng với Cục THADS tỉnh Bình Định bồi thường thiệt hại cho Công ty H là không đúng quy định của pháp luật vì người gây thiệt hại trực tiếp cho DNTN P là Chấp hành viên Nguyễn Văn C. Do vậy, buộc Cục THADS tỉnh Bình Định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho DNTN P; Công ty H không thể yêu cầu ông C, bà H thi hành án được. Hơn nữa, Công ty của bà H đã phá sản, không có tài sản để yêu cầu thi hành án. Do vậy, bà Phương yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, buộc Cục THADS tỉnh Bình Định bồi thường cho Công ty H số tiền 15.385.391.350 đồng.

Xét thấy: Như đã nhận định tại mục [2.1], [2.2], [2.3] và [2.4] nêu trên, hậu quả thiệt hại của Công ty Huy phương có mối quan hệ nhân quả từ hành vi thiếu trách nhiệm của Chấp hành viên Nguyễn Văn C và việc ông C, bà H cung cấp thông tin và yêu cầu kê biên không đúng. Vì vậy, tại Bản án sơ thẩm đã buộc Cục THADS tỉnh Bình Định, DNTN P và bà Trần Thị H, mỗi người phải chịu một phần hậu quả thiệt hại của Công ty H là có cơ sở. Tuy nhiên, tại Bản án sơ thẩm

đã xác định Cục THADS tỉnh Bình Định, DNTN P và bà Trần Thị H lỗi ngang nhau và buộc bồi thường mỗi người tương ứng 1/3 là chưa phù hợp. Bởi lẽ, lỗi của Chấp hành viên là người thi hành công vụ, đã căn cứ vào các thông tin, yêu cầu không chính xác do ông C, bà H cung cấp, không tiến hành kiểm tra tính xác thực của thông tin, tiến hành kê biên, cưỡng chế nhằm lô sản của DNTN H (*nay là Công ty Huy phương*), để xảy ra hậu quả thiệt hại thì tính chất lỗi là lớn hơn so với lỗi của ông C, bà H. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Cục THADS tỉnh Bình Định, chấp nhận một phần kháng cáo của ông C, bà H, sửa Bản án sơ thẩm, buộc Cục THADS tỉnh Bình Định bồi thường tương ứng 1/2 hậu quả thiệt hại đối với Công ty H, DNTN P, bà Trần Thị H (*hoặc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty T do đã tuyên bố phá sản*), mỗi người phải chịu 1/4 hậu quả thiệt hại là tương xứng với mức độ lỗi của mình.

Riêng các nội dung kháng cáo Công ty H liên quan việc yêu cầu thi hành án và tách phần bồi thường khác, xét thấy, sau khi có Bản án phúc thẩm, nếu Công ty Huy phương có đơn yêu cầu thì bản án sẽ được thi hành án theo trình tự thủ tục thi hành án dân sự, Công ty T tuy đã phá sản nhưng người kế thừa quyền và nghĩa vụ vẫn có nghĩa vụ thi hành bản án. Hơn nữa, bà H vẫn đang là người được yêu cầu thi hành án đối với DNTN P một khoản tiền rất lớn nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty T có đủ khả năng thi hành án. Đối với các phần thiệt hại khác do Công ty H yêu cầu, tại Bản án sơ thẩm đã tách ra do chưa đủ điều kiện xem xét trong vụ án này, do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét, giải quyết.

[3]. Đối với nội dung kháng cáo của Cục THADS tỉnh Bình Định và Doanh nghiệp tư nhân P liên quan yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với lô sản lát có số lượng 25.728.960 kg và 33.384 kg hạt ươi tại lô BI-3, BI-4, khu công nghiệp L của Doanh nghiệp tư nhân P, xét thấy:

[3.1]. Xem xét nguyên nhân và hậu quả từ việc kê biên, niêm phong đối với lô sản lát và lô hạt ươi nêu trên, xét thấy:

Để tiếp tục thi hành Bản án số 08/2014/DSPT nêu trên, thực hiện Quyết định thi hành án số 30/QĐ-CTHA ngày 17/07/2015, Chấp hành viên Nguyễn Văn C đã ban hành quyết định cưỡng chế số 34/QĐ-CTHDS ngày 31/07/2015 về việc kê biên, cưỡng chế xử lý tài sản của DNTN P trên thửa đất có diện tích 28.515m², tại lô BI-3 BI-4 khu công nghiệp L. Cùng ngày, C đã xây dựng kế hoạch số 1032/KH-CTHADS. Ngày 21/08/2015 Nguyễn Văn C tổ chức cưỡng chế, ông C là người phải thi hành án. Mặc dù đã được Chấp hành viên Nguyễn Văn C thông báo đầy đủ về các quyết định, kế hoạch liên quan trách nhiệm, nghĩa vụ phải thi hành án, nhưng ông C đã vắng mặt, cũng không uỷ quyền cho ai tham gia theo thông báo cưỡng chế. Việc ông C có báo do bận việc là không chính đáng, bởi lẽ, nghĩa vụ, trách nhiệm của ông C là phải chấp hành, trừ khi có lý do bất khả kháng

được Chấp hành viên đồng ý. Về phần bị cáo C, do C không mở khoá kiểm tra nên không biết và cũng không có thông tin bên trong kho này có chứa 25.728.960 kg sắn lát và 33.384 kg hạt ươi hay không là hành vi tắc trách, thực hiện chưa đúng trách nhiệm công vụ của một Chấp hành viên được phân công thực hiện việc thi hành án.

Sau đó, do Bản án số 08/2014/DSPT của TAND Bình Định bị Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo Quyết định số 11/2015/KN-KDTM ngày 18/08/2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Sau khi nhận Quyết định kháng nghị nói trên, ngày 31/8/ 2015 Nguyễn Văn C đã trực tiếp làm việc và giao lại toàn bộ kho, tài sản kê biên trước đó cho ông C, nhưng ông C chưa chịu nhận nên ngày 04/9/2015 C đã ra Thông báo số 1217/TB-CTHADS về việc giao lại tài sản kê biên, niêm phong cho Doanh nghiệp tư nhân P, ấn định thời hạn 10 ngày, kể từ ngày 07/9/2015 cho DNTN P nhận lại tài sản, nhưng cho đến ngày 16/10/2015, Doanh nghiệp tư nhân P nhận lại tài sản.

Xem xét về thời gian liên quan việc kê biên, cưỡng chế đối với tài sản tại lô BI-3, BI-4 khu công nghiệp L của doanh nghiệp tư nhân P. Từ ngày cưỡng chế, niêm phong đến ngày Chấp hành viên làm việc với ông C để giao lại kho là 10 ngày (*từ ngày 21/08/2015, đến ngày 31/8/2015*). Từ ngày thực hiện Quyết định cưỡng chế số 34/QĐ-CTHDS ngày 31/07/2015 đến ngày chính thức ông C nhận lại kho là 01 tháng 26 ngày (*từ ngày 21/8/2015 đến 16/10/2015*), kho và tài sản vẫn được giữ nguyên trạng, sắn và hạt ươi vẫn được bảo quản cố định trong kho của DNTN P, không có dịch chuyển, sau khi nhận lại tài sản DNTN P không có ý kiến gì liên quan đến tài sản, cũng như chất lượng hàng hóa sắn lát và hạt ươi trước đó bị kê biên. Với diễn biến nêu trên, cho thấy ông C chấp hành pháp luật thi hành án không nghiêm túc, chậm thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên (*01 tháng 16 ngày*) là nguyên nhân chính xảy ra hậu quả thiệt hại nếu có cho DNTN P.

Theo tài liệu do ông C cung cấp và trình bày, trước thời điểm trên, ngày 24/7/2015 giữa Doanh nghiệp tư nhân P có ký kết Hợp đồng kinh tế số 10/2015 bán 25.728.960 kg sắn cho Công ty TNHH XNK Mai Sanh, giá 5.300 đồng/ kg tương ứng với số tiền 136.363.488.000 đồng. Tuy nhiên, do kho bị niêm phong, không xuất được hàng theo thỏa thuận ngày 26/8/2015, sau đó, Công ty TNHH-XNK Mai Sanh hủy bỏ hợp đồng số 10/2015, nên DNTN P tìm các đối tác khác để bán. Đến tháng 01/2016, DNTN P lần lượt ký các hợp đồng mua bán sắn lát số 01/PL-JY/2016 ngày 07/01/2016 với Công ty TNHH Guangxi Jinyan Biochemical Industrial có đơn giá là 184 USD/tấn; Hợp đồng mua bán sắn lát số 02/PL-JY/2016 ngày 16/01/2016 với Công ty TNHH Guangxi Jinyan Biochemical Industrial có đơn giá là 178 USD/tấn; Hợp đồng mua bán sắn (mỳ) lát số

HP20160121 ngày 21/01/2016 Công ty TNHH Phát triển Shandong Huineng Fuel có đơn giá là 175 USD/tấn (các công ty trên đều ở Trung Quốc). DNTN P thu về số tiền 3.879.672 USD, tương ứng số tiền 88.456.521.600 đồng (tỷ giá 01 USD = 22.800 VNĐ) (bút lục 840 đến 867).

Đối với lô hạt uoi 33.384 kg, theo ông Lê Viết C trình bày, tương tự như lô sản lát nói trên, trong kho tại lô BI-3, BI-4 khu công nghiệp L của Doanh nghiệp tư nhân P còn có lô hạt uoi 33.384 kg, ngày 15/08/2015 Doanh nghiệp tư nhân P ký Hợp đồng kinh tế số 11/2015/HĐMBHU với bà Trần Thị Kim T, giá 200.000 đồng/kg tương ứng với số tiền 6.676.800.000 đồng. Tuy nhiên, do C niêm phong, kê biên không đúng pháp luật, làm lô hạt uoi hư hỏng hoàn toàn nên yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định bồi thường giá trị bị giảm của lô sản và toàn bộ lô hạt uoi.

Tại Bản án sơ thẩm đã nhận định cho rằng tài sản thiệt hại cả sản lát và hạt uoi của DNTN P bao gồm: Sản lát bán được 88.456.521.600 đồng, thiệt hại 42.761.174.400 đồng, 33.384 kg hạt uoi hư hỏng hoàn toàn, thiệt hại 6.676.800.000 đồng, tổng cộng thiệt hại số tiền 49.437.974.400 đồng, nên đã buộc Cục THADS tỉnh Bình Định phải chịu trách nhiệm bồi thường 2/5 thiệt hại cho DNTN P, tương ứng số tiền 19.775.189.760 đồng.

Xét thấy, hành vi thực hiện việc kê biên, cưỡng chế của Chấp hành viên Nguyễn Văn C là đúng tài sản của người phải thi hành án, tuy nhiên, do ông C vắng mặt, cũng không cử người tham gia buổi cưỡng chế nên C đã khoá kho mà không kiểm tra tài sản trong kho, không biết trong kho có chứa sản và hạt uoi, đồng thời sau đó, C cũng không xem xét kỹ càng tài liệu do đương sự cung cấp. Hành vi thiếu trách nhiệm nói trên của C đã vi phạm khoản 3 Điều 68 Luật thi hành án dân sự, nhưng như phân tích nêu trên, phần lỗi không thực hiện và chấp hành nghiêm túc các quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người phải thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự của ông Lê Viết C là chủ yếu.

DNTN P cho rằng do hành vi của C đã gây ra thiệt hại cho mình. Xét thấy, sau khi nhận lại tài sản, đến tháng 01/2016 (03 tháng sau), DNTN P đã bán lô sản trên cho các công ty của Trung Quốc với giá giao động từ 175 USD đến 184 USD/tấn, thu số tiền 88.456.521.600 đồng. Ông C cho rằng thiệt hại hơn 42 tỷ đồng là không có cơ sở. Bởi lẽ, về chất lượng sản, trước khi hợp đồng mua sản, các Công ty TNHH G và Công ty TNHH Phát triển S đã kiểm định chất lượng sản đạt tiêu chuẩn. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Chính cũng đã thừa nhận nội dung này, cho thấy sản lát vẫn đảm bảo chất lượng để xuất khẩu. Về giá, theo Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 28/09/2018, xác định 25.728.960 kg sản tại thời điểm tháng 08/2015 có giá là 131.217.696.000 đồng, nhưng ông C đã ký Hợp đồng bán lô sản với giá 88.456.521.600 đồng, giảm giá trị so với Kết luận định giá 42.761.174.000 đồng là không phù hợp. Theo ông C

việc mua bán sản theo ngày và theo thời vụ nên đã bán lô sản với giá trị nói trên là không có căn cứ, không đúng với kết quả định giá. Mặt khác, DNTN Phú lợi cũng không thông báo gì với Nguyễn Văn C hoặc Cục thi hành án dân sự về chất lượng sản bị sụt giảm để trưng cầu giám định xem xét mức độ bị sụt giảm của các lô sản, tỉ lệ giảm sút chất lượng là bao nhiêu, để xác định cụ thể thiệt hại trong thời gian bị C kê biên. Hơn nữa quá trình điều tra chỉ xác định các Hợp đồng mua bán sản lát do ông C cung cấp, không làm rõ được nguyên nhân cũng như giá cả trong các Hợp đồng nêu trên. Sau khi đã bán sản, đến ngày 28/09/2018 mới tiến hành giám định thì chỉ có ý nghĩa trong việc xác định giá sản thời điểm tháng 8/2015, không thể căn cứ để xác định thiệt hại trong khoảng thời gian bị kê biên, việc DNTN P bán lô sản thấp hơn giá trị thị trường (*khoảng hơn 40%*) là quyết định của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, không có quan hệ nhân quả, biện chứng với hành vi sai phạm của Chấp hành viên Nguyễn Văn C.

[3.2]. Đối với lô hạt ươi 33.384 kg, nhận thấy: Theo ông Lê Viết C trình bày, tương tự như lô sản lát nói trên, trong kho tại lô BI-3, BI-4 khu công nghiệp L của Doanh nghiệp tư nhân P còn có lô hạt ươi có số lượng 33.384 kg, ngày 15/08/2015 Doanh nghiệp tư nhân P ký hợp đồng kinh tế số 11/2015/HĐMBHU với bà Trần Thị Kim T, giá 200.000 đồng/ kg tương ứng với số tiền 6.676.800.000 đồng. Do C niêm phong, kê biên không đúng pháp luật làm hư hỏng hoàn toàn nên yêu cầu Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định bồi thường toàn bộ giá trị lô hạt ươi. Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTSTTTTHS ngày 28/09/2018 nêu trên, xác định 33.384 kg hạt ươi với giá 6.676.800.000 đồng.

Xét thấy, hạt ươi là sản phẩm lâm sản được khai thác từ rừng, việc mua bán, kinh doanh phải tuân thủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nhưng ngày 15/08/2015 DNTN P ký Hợp đồng kinh tế số 11/2015/HĐMBHU bán hạt ươi cho cá nhân bà Trần Thị Kim T là người không có đủ điều kiện kinh doanh, mua bán sản phẩm lâm sản. Hơn nữa, trước đó, trong khoảng thời gian từ ngày 24/7/2015 (*ngày Nguyễn Văn C triệu tập ông Lê Viết C giải quyết việc thi hành án*) đến ngày 16/10/2015 (*ngày nhận lại tài sản*), ông C không đề cập gì đến Hợp đồng mua, bán hạt ươi nói trên và thông tin cho Chấp hành viên biết. Theo bị cáo C trình bày, cho đến khi bị bắt tạm giam bị cáo mới biết thông tin trong kho tại lô BI-3, BI-4 khu công nghiệp L có lô hạt ươi. Sau khi nhận lại kho và tài sản, trường hợp, trong đó có hạt ươi, thì kể từ ngày 16/10/2015, DNTN P cũng không có văn bản hoặc yêu cầu gì về chất lượng hạt ươi bị giảm sút hoặc hư hỏng, hạt ươi do Doanh nghiệp tư nhân P trực tiếp quản lý, DNTN P đã để hạt ươi từ ngày 16/10/2015 (*ngày DNTN P nhận lại tài sản*), đến ngày 17/11/2018 (*ngày Công ty Lừa Việt có Kết luận giám định*) là hơn 03 năm, trong khoảng thời gian này Chấp hành viên không có thông tin và yêu cầu gì về lô hạt ươi bị hư hỏng để kịp thời

xử lý. Là một doanh nghiệp có chức năng kinh doanh mặt hàng nông, lâm sản, việc để hàng hóa sau hơn 03 năm dẫn đến bị hư hỏng thì trách nhiệm là của Doanh nghiệp tư nhân P. Mặt khác, quá trình điều tra không xác định được trong khoảng thời gian hơn 03 năm, từ tháng 10 năm 2015 đến tháng 11 năm 2018, Doanh nghiệp P đã nhập và xuất bao nhiêu hạt ươi nên không có cơ sở khẳng định số lượng hạt ươi bị hư hỏng do Công ty Lũn Việt giám định là hạt ươi đã bị C kê biên.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, tại Bản cáo trạng số 06/CT-VKSTC-V6 ngày 12/01/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và tại Bản án sơ thẩm đã quy kết và nhận định cho rằng hành vi của Chấp hành viên Nguyễn Văn C đã gây thiệt hại tài sản gồm sản lát và hạt ươi của DNTN P tổng cộng số tiền 49.437.974.400 đồng (*trong đó, sản lát số tiền 42.761.174.400 đồng và hạt ươi số tiền 6.676.800.000 đồng*), là chưa có căn cứ xác định thiệt hại theo quy định tại các Điều 22, Điều 23 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; tài sản kê biên của DNTN P đã được Chấp hành viên làm việc trả lại ngay sau khi Bản án được đưa ra thi hành bị kháng nghị giám đốc thẩm. Không có cơ sở để xác định thiệt hại của DNTN P là do hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C, trường hợp có hậu quả thiệt hại thì do lỗi của DNTN P, không có mối quan hệ nhân quả với hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Văn C. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường của DNTN P về giá trị thiệt hại số tiền 49.437.974.400 đồng.

Đối với những yêu cầu bồi thường thiệt hại khác của Doanh nghiệp tư nhân P, tại Bản án sơ thẩm đã tách ra, chưa giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Xem xét kháng cáo của DNTN P và Công ty H về việc tăng hình phạt đối với Nguyễn Văn C, xét thấy: Tại Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo C về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại khoản 2, Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C với mức án 07 năm tù, bị cáo không có kháng cáo. Tuy hậu quả thiệt hại có giảm so với hậu quả xác định của Bản án sơ thẩm, nhưng xem xét tính chất, mức độ sai phạm của bị cáo Nguyễn Văn C; tại phiên tòa phúc thẩm, thái độ của bị cáo luôn cho rằng bản thân mình đã thực hiện đúng quy định của pháp luật thi hành án, đổ lỗi cho người khác. Mặt khác, DNTN P và Công ty H đang có kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, Điều luật áp dụng không thay đổi, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 năm tù là tương xứng, đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn C. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của DNTN P và Công ty H đối với bị cáo, giữ nguyên Quyết định về hình phạt tại Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Với những phân tích, nhận định nêu trên, tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên đề nghị hủy phần bồi thường thiệt hại trong Bản án sơ thẩm nhưng lý do chỉ nêu quan điểm về đánh giá chứng cứ là không cần thiết phải hủy, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận, chấp nhận một phần kháng cáo của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định; của Doanh nghiệp tư nhân P; của Công ty H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại, không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[5]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử sửa phần án phí sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên Doanh nghiệp tư nhân P; Công ty H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, Doanh nghiệp tư nhân P, Công ty H và kháng cáo của bà Trần Thị H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại và sửa lại phần án phí sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt, giữ nguyên phần Quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2022/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

1. Áp dụng: Khoản 2 Điều 285; điểm s khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 07 (bảy) năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15.8.2019, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 29.11.2017 đến ngày 10.02.2018 và từ ngày 07.12.2018 đến ngày 26.4.2019.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 589, Điều 597, Điều 598 của Bộ luật dân sự; Điều 22; Điều 23 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Xử:

- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H (*trước đây là DNTN H*) số tiền

2.832.989.271 đồng (làm tròn 2.832.989.000 đồng) (Hai tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn đồng).

- DNTN P phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H số tiền 1.416.494.635 đồng. (làm tròn 1.416.495.000 đồng) (Một tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

- Bà Trần Thị H (hoặc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty T trước đây nay đã bị tuyên bố phá sản), phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H số tiền 1.416.494.635 đồng. (làm tròn 1.416.495.000 đồng) (Một tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của Doanh nghiệp tư nhân P đối với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định số tiền 49.437.974.400 đồng (làm tròn 49.437.974.000 đồng) (Bốn mươi chín tỷ, bốn trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi tư ngàn đồng).

4. Các yêu cầu bồi thường khác của Doanh nghiệp tư nhân P và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ H có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

5. Đối với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 23; Điều 26; Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 64 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Doanh nghiệp tư nhân P phải chịu 54.494.850 đồng.

Bà Trần Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty T phải chịu 54.494.850 đồng.

7. Về án phí phúc thẩm: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định; Doanh nghiệp tư nhân P; Công ty H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án, có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS (2015) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS&HTTPCA tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNVCA tỉnh Bình Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV&THA tỉnh Bình Định;
- Bộ Tư pháp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **PHÚC THẨM**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Công Thi